

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP (UPCOM: TBD)

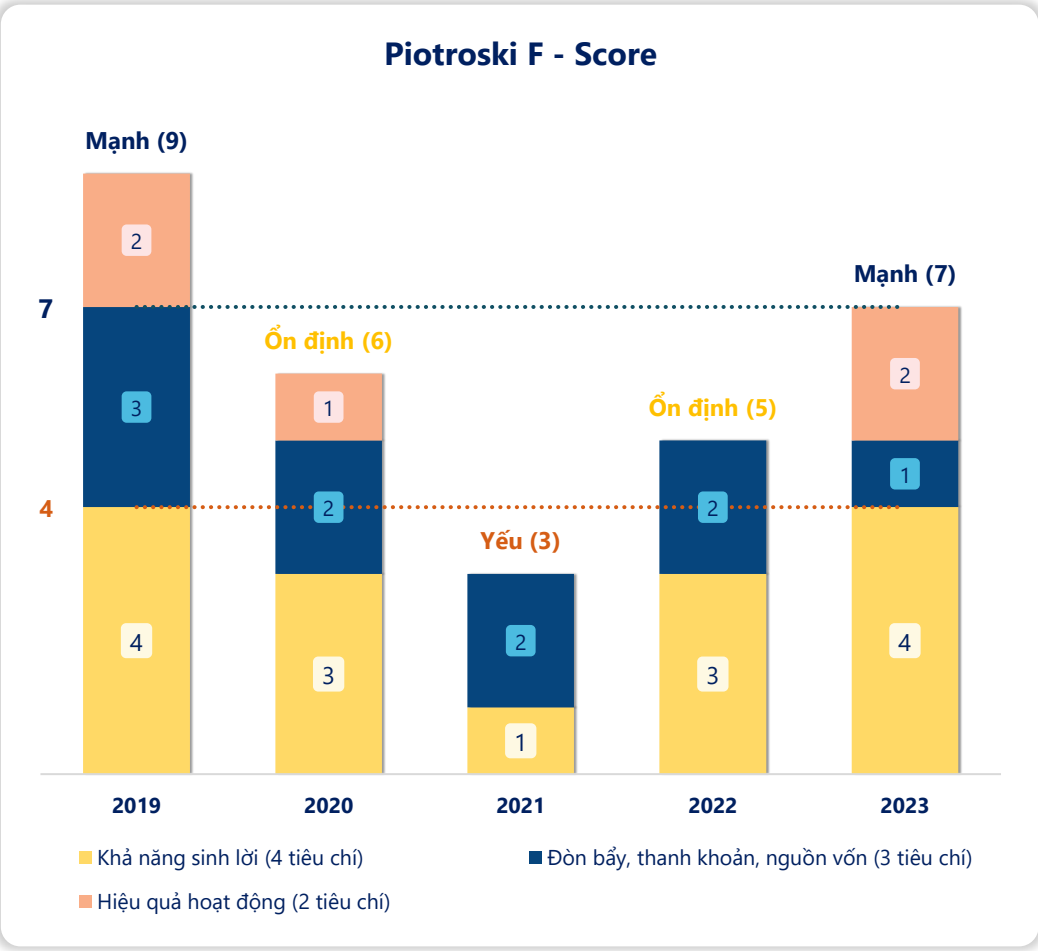
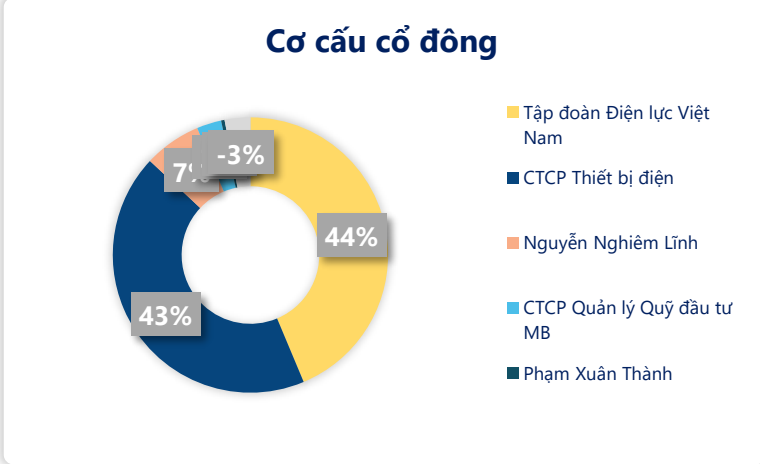
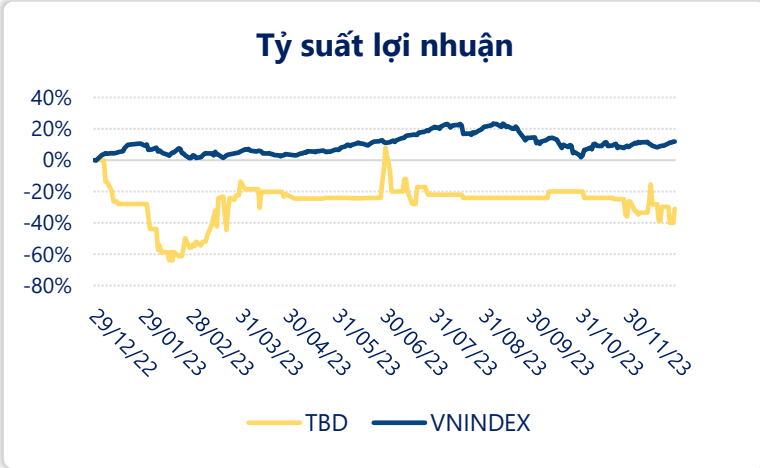
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	84,500 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.5%	-9.1%	-13.7%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	7/9
2023	(Mạnh)

DT thuần	2023	YoY
1,818	▲ 141	▲ 8.4%
tỷ VNĐ		

LN sau thuế	2023	YoY
50.3	▲ 8.60	▲ 20.6%
tỷ VNĐ		

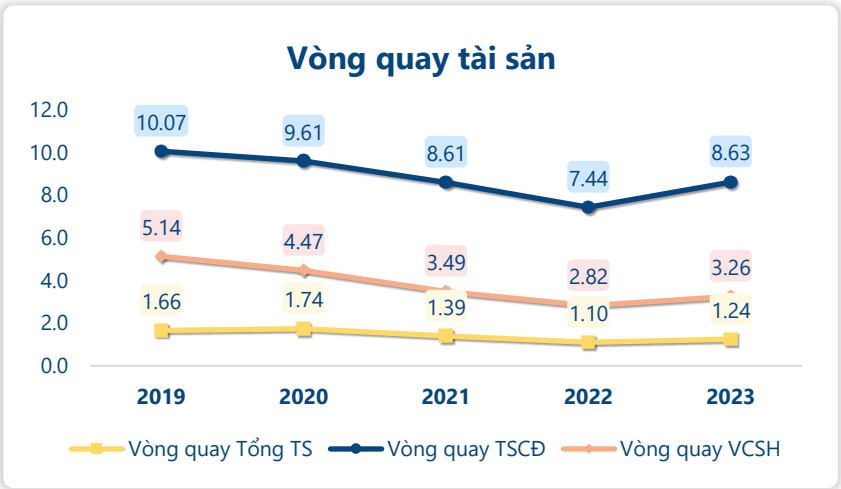
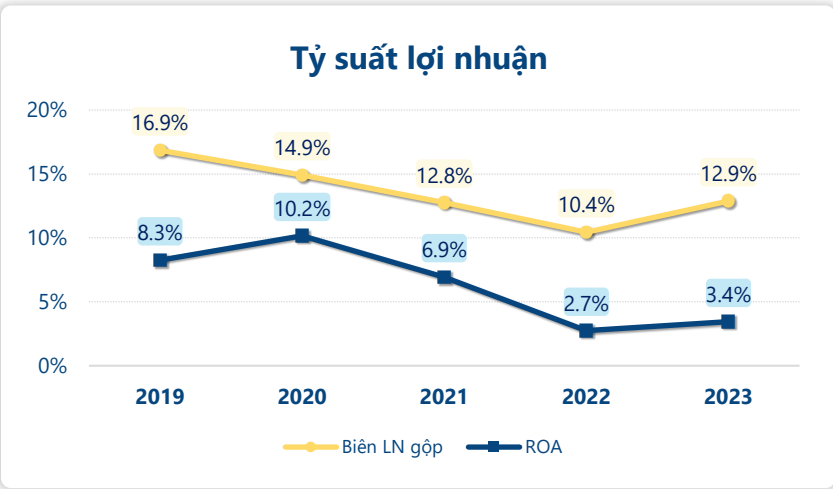
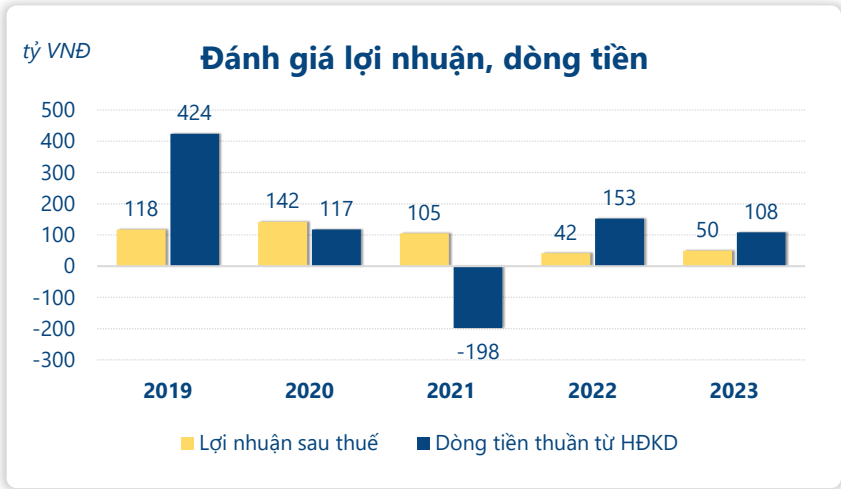


Năm **2023**, F-Score của **TBD** đạt **7/9** cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, đạt mức "**Mạnh**".

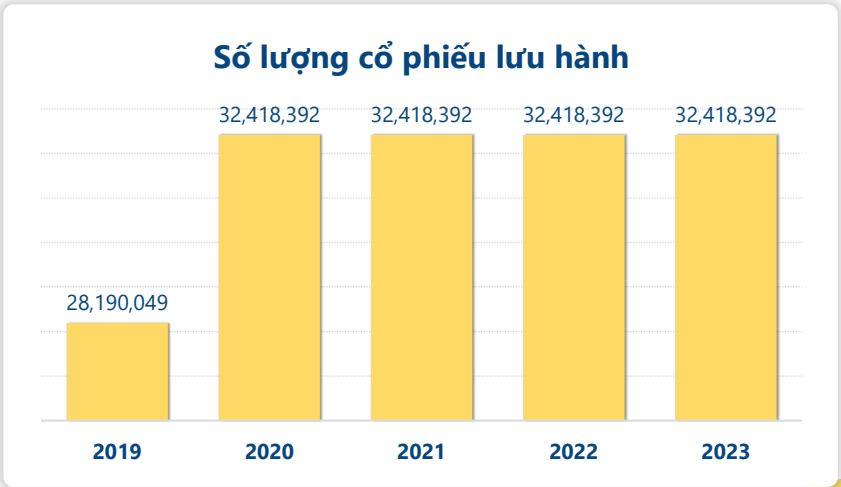
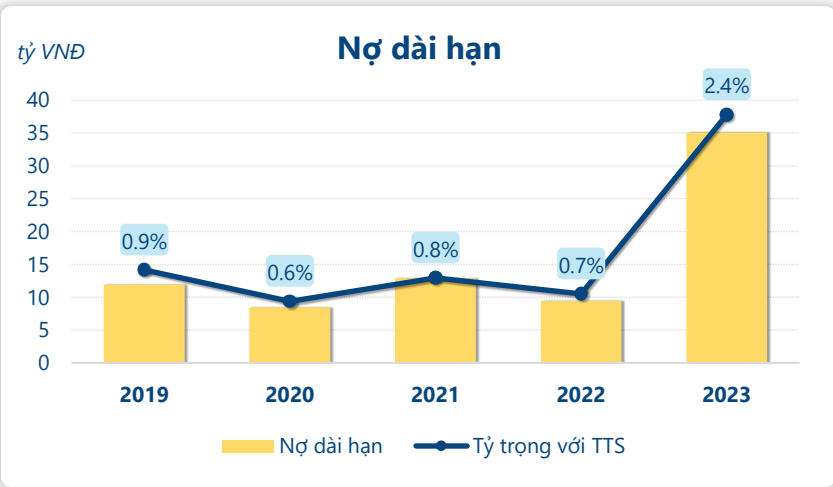
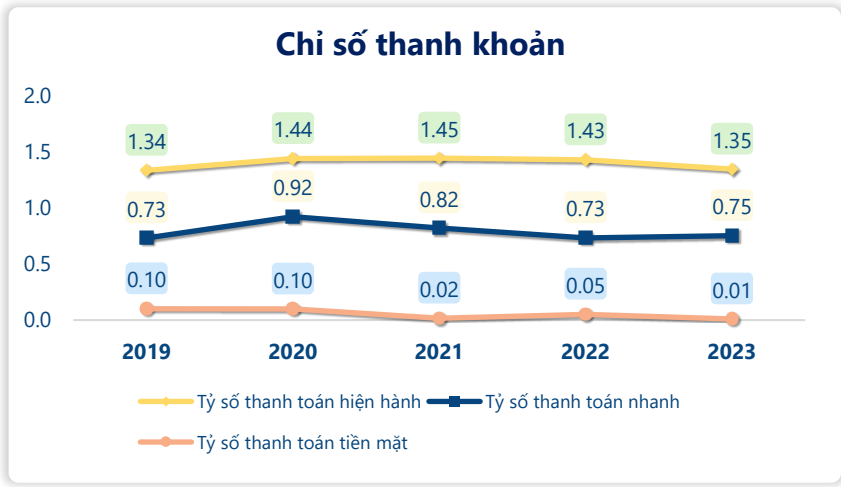
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 4/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **1/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt **2/2** điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

Với điểm số F-Score cao cho thấy tình hình kinh doanh ổn định và hiệu quả trong quản lý tài sản và có sự ổn định tài chính trong dài hạn. Tuy nhiên vẫn cần phải xem xét các yếu tố về tài chính và chiến lược của công ty.

Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP (UPCOM: TBD)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **TBD**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,485	1,442	3.0%
Tài sản ngắn hạn	1,199	1,213	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	8.81	44.2	-80.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.14	0.13	13.6%
Phải thu ngắn hạn	661	575	15.0%
Hàng tồn kho	528	590	-10.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.38	3.53	-60.9%
Tài sản dài hạn	285	229	24.7%
Phải thu dài hạn	0.42	0.03	1263%
Tài sản cố định	215	207	4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	67.3	18.9	257%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	3.10	-19.3%
Tài sản dài hạn khác	0.12	0.21	-44.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	925	858	7.9%
Nợ ngắn hạn	890	848	5.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	491	524	-6.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	243	95.2	155%
Nợ dài hạn	35.1	9.45	271%
Vay và nợ thuê dài hạn	35.1	9.45	271%
Nguồn vốn chủ sở hữu	559	584	-4.3%
Vốn chủ sở hữu	553	561	-1.4%
Vốn điều lệ	325	325	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	6.32	23.2	-72.8%

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	2,375	2,422	2,117	1,677	1,818
Giá vốn hàng bán	1,975	2,061	1,846	1,502	1,584
Lợi nhuận gộp	400	361	270	175	234
Doanh thu HĐTC	0.26	1.79	2.78	1.59	2.02
Chi phí TC	63.2	41.9	32.8	43.9	46.6
Chi phí lãi vay	59.5	32.7	25.7	30.7	41.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	64.5	31.9	30.2	22.7	26.1
Chi phí QLDN	120	125	82.4	58.2	99.2
LN thuần từ HĐKD	153	165	128	52.0	64.3
Lợi nhuận khác	-0.09	-4.02	3.21	0.63	1.75
LN trước thuế	153	161	131	52.6	66.1
Lợi nhuận sau thuế	118	142	105	41.7	50.3
LNST của CĐ cty mẹ	118	142	105	41.7	50.3

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	424	117	-198	153	108
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.8	-25.7	-20.0	-16.3	-72.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-346	-91.8	152	-108	-71.5
Tiền đầu kỳ	28.0	81.8	81.5	15.8	44.2
Lưu chuyển tiền thuần	53.8	-0.28	-65.6	28.4	-35.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	-0.03	0.00	0.02
Tiền cuối kỳ	81.8	81.5	15.8	44.2	8.81